

HOSE 28/05/2014

VNINDEX	557.34	4.59	0.83%
KLGD	108,157,626	CP	
GTGD	1,550.05	Tỷ	
GTR NDTNN	38.28	Tỷ	
CP Tăng giá	103	CP	
CP Giảm giá	98	CP	
CP Đứng giá	103	CP	



HNX 28/5/2014

HNXINDEX	77.18	0.33	0.43%
KLGD	70,327,495	CP	
GTGD	673.15	Tỷ	
GTR NDTNN	3.97	Tỷ	
CP Tăng giá	105	CP	
CP Giảm giá	109	CP	
CP Đứng giá	165	CP	



VN30 & HNX30 INDEX

VN30	614.88	9.01	1.49%
HNX30	156.21	1.13	0.73%

Tâm điểm

- ▶ **Sắc xanh tiếp tục được duy trì trên cả 2 sàn**
- ▶ **Thanh khoản thị trường sụt giảm nhẹ**
Tổng giá trị giao dịch đạt mức khoảng 2,100 tỷ đồng
- ▶ **Tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống đã đạt 1,31% so với cuối 2013**
Diễn biến trên tiếp tục cho xu hướng cải thiện của tăng trưởng tín dụng
Vneconomy
- ▶ **Suất siêu 5 tháng đạt 1,65 tỷ USD, cao hơn ước tính ban đầu**
Xuất siêu vẫn hoàn toàn thuộc về khu vực FDI.
Người Đồng Hành
- ▶ **NHNN điều hành thị trường mở sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD có**
NHNN đã điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ
Cafef
- ▶ **AAA: Lên kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn gấp đôi**
Công ty dự kiến phát hành 19,8 triệu cổ phần
Cafef
- ▶ **VHG: Quý 1 lãi 4,3 tỷ đồng, EPS vọt vọt 116 đồng/cổ phiếu**
Lĩnh vực cao su góp phần lớn vào lợi nhuận của công ty
Cafef

Thị trường / Ngành Vốn hóa (tỷ) P/E P/B ROE ROA

Theo thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	972,842	13.4	2.9	20.6%	10.8%
HNX	123,998	18.6	1.6	6.6%	3.9%
Toàn bộ thị trường	1,096,840	15.3	2.8	19.4%	10.2%

Theo ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	7,220	6.2	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,476	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	35,949	21.1	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng	11,998	54.5	5.0	1.8%	1.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,283	17.7	1.3	11.8%	8.5%
Xây dựng	28,636	30.0	1.1	-7.3%	1.2%
Máy công nghiệp	7,822	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,708	13.4	1.3	14.7%	11.2%
Lốp xe	6,874	8.3	2.3	29.0%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	14,344	11.5	1.2	13.9%	6.2%
Thực phẩm	195,104	22.6	4.7	21.7%	16.8%
Dược phẩm	15,187	12.1	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	15,995	9.8	2.0	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,874	5.5	1.2	-6.4%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	182,236	15.3	4.9	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	28,512	23.1	2.3	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	23,358	13.0	1.3	8.1%	6.2%
Ngân hàng	240,466	10.8	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	136,992	11.2	2.5	28.6%	7.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,036	9.4	1.9	20.5%	8.4%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống đã đạt 1,31% so với cuối 2013

Suất siêu 5 tháng đạt 1,65 tỷ USD, cao hơn ước tính ban đầu

NHNN điều hành thị trường mở sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD có nhu cầu

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

VNM: Quy định áp trần giá sữa tác động chưa đáng kể đến KQKD quý 2

AAA: Lên kế hoạch phát hành cổ phiếu tăng vốn gấp đôi

VHG: Quý 1 lãi 4,3 tỷ đồng, EPS vòn vẹn 116 đồng/cổ phiếu

► Tin kinh tế

Chiều 28/5, Ngân hàng Nhà nước tổ chức họp báo thường kỳ tháng 5. Tín dụng là điểm sáng trong tháng qua, theo tài liệu vừa công bố. Cụ thể, tính đến ngày 23/5, tăng trưởng tín dụng của toàn hệ thống đã đạt 1,31% so với cuối 2013, gấp đôi con số 0,62% tính tại thời điểm 22/4/2014. Diễn biến trên tiếp tục cho xu hướng cải thiện của tăng trưởng tín dụng 5 tháng đầu năm nay, trong khi cùng kỳ năm trước vẫn là trạng thái tăng trưởng âm. Ngoài dấu hiệu phục hồi của nền kinh tế, một yếu tố hỗ trợ cho tăng trưởng tín dụng hiện nay là mặt bằng lãi suất đã giảm thấp.

Trong 4 tháng đầu năm nay, Việt Nam đã xuất siêu 2 tỷ USD. Cộng với con số ước tính nhập siêu 400 triệu USD trong tháng 5, cán cân thương mại của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2014 vẫn thặng dư 1,65 tỷ USD, bằng 2,8% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu. Trong 5 tháng, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu khá cao với 6,9 tỷ USD, trong khi khu vực trong nước tiếp tục nhập siêu với 5,3 tỷ USD, cho thấy xuất siêu vẫn hoàn toàn thuộc về khu vực FDI.

Chiều 28/5, NHNN tổ chức họp báo thường kỳ tháng 5. Báo cáo của NHNN cho biết, trong 5 tháng đầu năm, NHNN đã điều hành đồng bộ các công cụ chính sách tiền tệ, chủ động đưa tiền và rút bớt tiền về linh hoạt qua các kênh để kiểm soát cung ứng, hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối trong điều kiện mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối. Trước diễn biến tình hình trên Biển Đông những ngày gần đây, NHNN theo dõi sát tình hình thị trường, điều hành thị trường mở sẵn sàng hỗ trợ cho các TCTD có nhu cầu hỗ trợ thanh khoản.

► Tin doanh nghiệp

VNM bị áp trần giá sữa đối với 5 sản phẩm bao gồm: sữa bột hộp thiếc 900gr các nhãn hàng Dielac Alpha 123, Dielac Step 1, Dielac Step 2, Dielac Pedia 1+ và Dielac 123 hộp giấy 400gr. So với giá bán buôn trước đây, giá trần theo quy định mới đối với các sản phẩm bột của VNM thấp hơn khoảng từ 10% - 15%. Doanh thu sữa bột hiện đang chiếm khoảng 19% tổng doanh thu, do đó với quy định này doanh thu của Công ty cũng ảnh hưởng khá nhiều. Tuy nhiên, quy định được áp dụng từ 3 tuần cuối quý 2 và phần tăng giá trong quý 1 sẽ bù đắp qua nên nhìn chung trong quý 2 biên lợi nhuận của mảng sữa bột chỉ giảm nhẹ so với quý 1/2014.

Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát (AAA) công bố Nghị quyết ĐHCĐ thường niên ngày 26/5 vừa qua. Nội dung quan trọng trong bản nghị quyết lần này của AnPhat Plastic là phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của AAA. Phương án này đã đạt được sự đồng thuận của 100% số cổ phần dự họp. Công ty dự kiến phát hành 19,8 triệu cổ phần tăng vốn điều lệ lên gấp đôi-đạt 396 tỷ đồng. Việc phát hành sẽ nhắm đến cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền là 1:1. Giá phát hành là 11.000 đồng/CP. Công ty xác định giá phát hành chào bán thấp hơn giá trị sổ sách của công ty theo báo cáo tài chính gần nhất và được chiết khấu 51% so với giá trị cổ phiếu AAA đang được giao dịch trên thị trường.

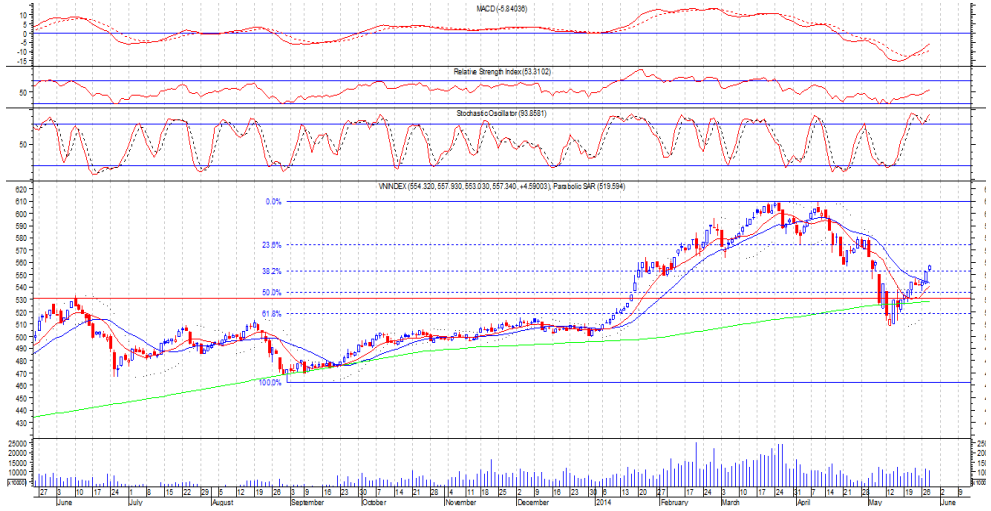
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Việt - Hàn (VHG) công bố kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2014. Doanh thu thuần quý 1 của VHG đạt 36,7 tỷ đồng, tăng 6 tỷ đồng so với cùng kỳ 2013. Biên lãi gộp đạt 20% trong khi cùng kỳ 2013 chỉ đạt 1% (lãi gộp đạt 7,2 tỷ đồng so với 0,3 tỷ đồng cùng kỳ). Biên lãi gộp cải thiện đáng kể được VHG giải thích do hoạt động đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bước đầu mang lại doanh thu cho công ty, cụ thể là hơn 7 tỷ đồng trong quý 1 năm 2014. Ngoài ra, lĩnh vực cao su cũng đã đưa lại doanh thu 9,7 tỷ đồng cũng góp phần lớn vào lợi nhuận của công ty.

HOSE 28/05/2014 VNINDEX 557.34 4.59 0.83% 108,157,626 CP 1,550.05 bil VND

Sắc xanh tiếp tục được duy trì trên cả 2 sàn

VN-Index tăng 4.59 điểm (+0.83%), đóng cửa tại mức 557.34 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến vừa phải, đóng cửa ở mức cao trong phiên.

- MACD sau khi cho tín hiệu mua tiếp tục gia tăng.
- Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì trong vùng quá mua.
- RSI tăng lên mức 53.
- VN-Index đang hồi phục khá tốt trở lại sau đợt giảm điểm mạnh, vùng kháng cự MA20 và ngưỡng Fb 50% được VN-Index chinh phục thành công.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	13,812,050
HQC	-0.1 (-1.4%)	6,168,070
STB	1.2 (6.4%)	4,325,310
ITA	-0.1 (-1.2%)	3,853,760
IJC	0.7 (5.3%)	3,600,410

HOSE Top 5 theo % tăng

GMD	2.1 (7.0%)	538,620
ASIAGF	0.6 (6.9%)	50
HVX	0.3 (6.8%)	50
PPI	0.6 (6.7%)	47,850
TSC	1.2 (6.7%)	262,990

HOSE Top 5 theo % giảm

VNS	-10.2 (-19.2%)	11,120
DAG	-0.9 (-6.9%)	1,250
PJT	-0.6 (-6.8%)	1,270
C47	-1.5 (-6.8%)	460
NAV	-0.4 (-6.7%)	1,000

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

BVH	11,4 tỷ	272,650
MSN	10,2 tỷ	108,890
VCB	6,9 tỷ	237,640
DRC	5,9 tỷ	128,290
HT1	4,0 tỷ	345,000

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-12,8 tỷ	517,770
EIB	-5,4 tỷ	404,410
TSC	-3,8 tỷ	209,020
VIC	-2,7 tỷ	40,160
PET	-2,2 tỷ	140,270

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	1,131,520	38.28

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có thêm một phiên tăng điểm khá tốt, dù áp lực bán xuất hiện nhiều hơn nhưng đóng cửa VN-Index vẫn tăng điểm khá. Đà tăng vẫn duy trì diện rộng.
- ▶ KLGD sụt giảm nhẹ và đạt 107 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng vẫn mức khá. Việc KL tiếp tục duy trì ở trên mức 100 triệu là một tín hiệu tích cực của TT.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 38 tỷ. Dù xuất hiện những phiên bán ròng, nhưng cơ bản khối ngoại vẫn giữ đà mua ròng. Đây là một tín hiệu tốt cho TT.
- ▶ VN-Index tạo cây nến bứt phá khá tốt vượt ngưỡng MA20 và Fb 50% cùng KL gia tăng. K/n VN-Index tăng mạnh có lẽ không quá lớn khi tâm lý vẫn thiếu ổn định.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào nếu đà tăng vẫn tiếp tục duy trì và thanh khoản gia tăng dần. Tuy nhiên, nên hạn chế việc dùng đòn bẩy tài chính.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	94.0	178,130.00	15.7	5.0	33.4%	22.6%
VNM	833.4	123.0	102,512.79	16.2	5.5	36.4%	29.1%
MSN	734.9	95.0	69,816.58	205.0	4.6	2.2%	0.7%
VCB	2,317.4	28.9	66,973.35	15.0	1.5	10.4%	1.0%
VIC	894.2	66.5	59,466.99	8.1	3.9	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.8	55,106.39	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	42.2	28,715.89	23.1	2.3	10.0%	2.3%
HPG	481.9	52.0	25,059.23	10.4	2.4	25.0%	10.7%
PVD	275.3	83.5	22,984.05	10.5	2.2	21.7%	9.8%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

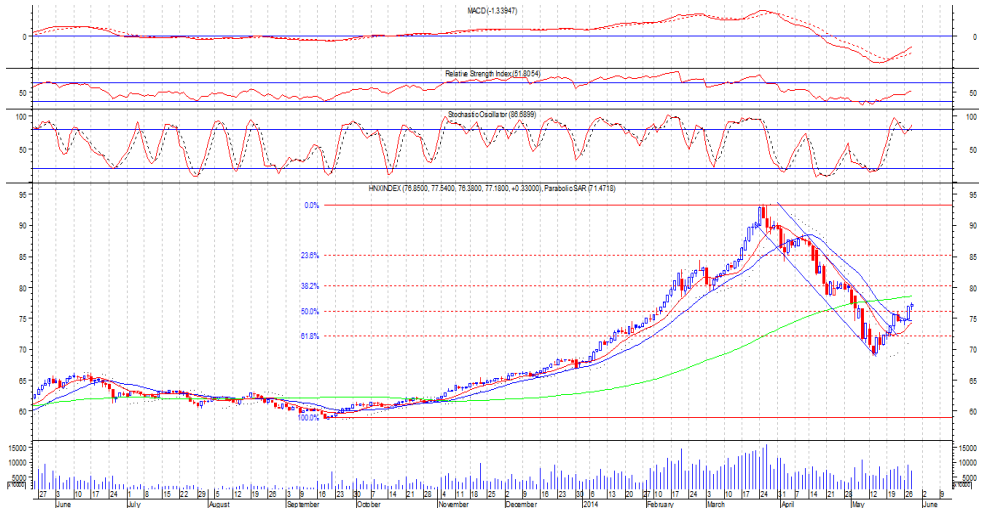
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	13.4	3,116.84	12.8	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.0	15,819.13	9.7	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.5	2,087.94	14.8	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	66.5	3,024.32	8.0	1.9	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.1	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.4	535.63	2.0	0.9	NA	TH.DOI

HNX 28/05/2014 HNX-Index 77.18 0.33 0.43% 70,327,495 CP 673.15 bil. VND

Sắc xanh tiếp tục được duy trì trên cả 2 sàn

Chỉ số HNX-Index tăng 0.33 điểm (+0.43%), đóng cửa tại mốc 77.18 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến xanh với thân ngắn, dù giằng co khá mạnh nhưng vẫn đóng cửa trong sắc xanh nhẹ.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator vẫn đang duy trì trong vùng quá mua.
- MACD sau khi cho tín hiệu mua vẫn tiếp tục gia tăng. Đây là một tín hiệu khá tích cực.
- RSI (14) giữ ở mức 51.
- HNX-Index chinh phục thành công ngưỡng MA20 và ngưỡng Fb 50%.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-1.9%)	9,770,470
SHB	-0.1 (-1.1%)	7,533,150
KLS	0.3 (2.6%)	6,663,650
SCR	-0.1 (-1.1%)	5,915,100
SHS	0.2 (2.2%)	3,136,450

HNX Top 5 theo % tăng

SGH	48.5 (100.0%)	-
CPC	1.9 (10.0%)	300
TV3	1.5 (10.0%)	-
DNM	2.9 (9.8%)	190
KTS	1.6 (9.8%)	130

HNX Top 5 theo % giảm

HST	-0.9 (-10.0%)	9,300
LUT	-0.5 (-10.0%)	8,400
S12	-0.6 (-10.0%)	500
SPI	-0.6 (-10.0%)	200
VE8	-0.6 (-10.0%)	800

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	4,0 tỷ	148,300
VCG	2,1 tỷ	159,000
BVS	1,0 tỷ	79,800
DBC	0,8 tỷ	42,000
PGS	0,6 tỷ	21,600

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVC	-2,7 tỷ	170,700
SHB	-2,3 tỷ	241,200
KLS	-0,2 tỷ	14,600
STC	-0,1 tỷ	9,900
PVX	-0,1 tỷ	19,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	98,090	3.97

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT tiếp tục có thêm một phiên tăng điểm khá tốt, dù áp lực bán xuất hiện nhiều hơn nhưng đóng cửa HNX-Index vẫn tăng điểm khá. Đà tăng vẫn duy trì diện rộng.
- ▶ KLGD sụt giảm và đạt 69 triệu đơn vị. Dù sụt giảm nhưng vẫn mức khá. Nhiều khả năng chưa thể có đột biến về thanh khoản trong giai đoạn này.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 3.9 tỷ. Dù xuất hiện những phiên bán ròng, nhưng cơ bản khối ngoại vẫn giữ đà mua ròng. Đây là một tín hiệu tốt cho TT.
- ▶ HNX-Index tạo cây nến bút phá khá tốt vượt ngưỡng MA20 và Fb 50% với KL gia tăng. K/n HNX-Index tăng mạnh có lẽ không quá lớn khi tâm lý vẫn thiếu ổn định.
- ▶ NĐT có thể cân nhắc mua vào nếu đà tăng vẫn tiếp tục duy trì và thanh khoản gia tăng dần. Tuy nhiên, nên hạn chế việc dùng đòn bẩy tài chính.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.8	14,374.53	18.7	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	27.4	12,239.59	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	265.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.3	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	12.5	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	35.9	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.1	4,080.00	14.8	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	39.0	3,035.45	6.8	2.1	33.5%	17.5%
VNR	100.8	28.6	2,883.67	8.0	1.2	14.5%	7.0%
NTP	43.3	52.5	2,275.24	10.6	2.4	23.8%	16.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	28.9	1,098.20	6.7	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	19.4	384.12	6.9	0.7	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.3	1,483.13	10.6	1.2	NA	TH.DOI
NTP	43.3	52.5	2,275.24	10.6	2.4	NA	TH.DOI
PVC	50.0	15.8	790.00	9.3	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	38.4	302.40	6.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,816.58	15.35%	95.0	205.02	4.60	121,772	150,682	344,826
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	14.46%	66.5	8.06	3.85	294,615	471,202	531,288
HPG	HOSE	481.9	25,059.23	11.74%	52.0	10.38	2.38	591,437	672,220	828,183
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	8.68%	83.5	10.53	2.18	238,906	374,911	490,548
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	8.01%	32.6	6.42	1.39	1,200,599	1,281,504	1,402,654
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	7.98%	24.6	14.49	1.33	3,254,067	3,501,171	4,089,868
VCB	HOSE	2,317.4	66,973.35	6.11%	28.9	14.99	1.50	616,355	695,571	878,789
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	4.13%	20.0	9.81	1.30	1,048,431	805,116	1,008,904
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	3.08%	42.2	23.14	2.28	530,849	537,925	529,788
ITA	HOSE	718.1	5,960.02	2.71%	8.3	106.25	0.77	6,629,400	6,187,037	9,740,713
HSG	HOSE	96.3	4,430.40	2.68%	46.0	10.85	1.92	212,804	200,978	242,650
GMD	HOSE	114.4	3,684.38	2.26%	32.2	112.01	0.76	321,556	343,557	383,860
PPC	HOSE	318.2	6,840.32	2.03%	21.5	7.42	1.20	523,718	575,602	894,712
VSH	HOSE	206.2	3,341.11	1.74%	16.2	15.16	1.22	472,944	510,603	799,649
CSM	HOSE	67.3	2,698.41	1.64%	40.1	7.12	2.03	277,405	352,814	585,722
KBC	HOSE	289.8	3,129.41	1.48%	10.8	22.47	0.75	731,406	753,862	1,226,801
DRC	HOSE	83.1	3,813.09	1.33%	45.9	9.78	2.56	148,154	203,033	343,243
PVT	HOSE	232.6	3,116.84	1.18%	13.4	12.80	1.08	755,821	649,156	1,609,267
DIG	HOSE	143.0	2,187.83	1.01%	15.3	39.66	0.91	255,355	331,933	644,270
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	0.91%	10.8	47.68	1.01	1,713,977	2,279,921	3,334,106
PET	HOSE	69.8	1,117.47	0.87%	16.0	7.36	0.88	418,237	453,308	736,822

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,239.59	5.37%	27.4	7.88	1.40	1,405,020	1,928,495	2,804,810
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	8.00%	66.5	8.06	3.85	294,615	471,202	531,288
VCB	HOSE	2,317.4	66,973.35	7.00%	28.9	14.99	1.50	616,355	695,571	878,789
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	6.50%	42.2	23.14	2.28	530,849	537,925	529,788
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	5.79%	32.6	6.42	1.39	1,200,599	1,281,504	1,402,654
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	4.26%	20.0	9.81	1.30	1,048,431	805,116	1,008,904
PVD	HOSE	275.3	22,984.05	3.22%	83.5	10.53	2.18	238,906	374,911	490,548
ITA	HOSE	718.1	5,960.02	3.73%	8.3	106.25	0.77	6,629,400	6,187,037	9,740,713
SHB	HNX	886.1	8,240.58	2.86%	9.3	10.31	0.79	6,970,783	7,710,596	9,791,085
PPC	HOSE	318.2	6,840.32	1.58%	21.5	7.42	1.20	523,718	575,602	894,712
OGC	HOSE	300.0	3,240.00	2.33%	10.8	47.68	1.01	1,713,977	2,279,921	3,334,106
GMD	HOSE	114.4	3,684.38	1.62%	32.2	112.01	0.76	321,556	343,557	383,860
MSN	HOSE	734.9	69,816.58	8.00%	95.0	205.02	4.60	121,772	150,682	344,826
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	2.83%	24.6	14.49	1.33	3,254,067	3,501,171	4,089,868
DRC	HOSE	83.1	3,813.09	1.28%	45.9	9.78	2.56	148,154	203,033	343,243
VCG	HNX	441.7	5,786.41	3.58%	13.1	12.48	1.00	2,556,418	2,173,548	3,132,149
PVT	HOSE	232.6	3,116.84	2.05%	13.4	12.80	1.08	755,821	649,156	1,609,267

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.00%	66.5	8.06	3.85	294,615	471,202	531,288
MSN	HOSE	734.9	69,816.58	0.00%	95.0	205.02	4.60	121,772	150,682	344,826
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.00%	32.6	6.42	1.39	1,200,599	1,281,504	1,402,654
HAG	HOSE	718.2	17,666.61	0.00%	24.6	14.49	1.33	3,254,067	3,501,171	4,089,868
VCB	HOSE	2,317.4	66,973.35	0.00%	28.9	14.99	1.50	616,355	695,571	878,789
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.00%	20.0	9.81	1.30	1,048,431	805,116	1,008,904
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	0.00%	42.2	23.14	2.28	530,849	537,925	529,788
CTG	HOSE	3,723.4	55,106.39	0.00%	14.8	8.70	1.00	464,026	521,114	963,182
GAS	HOSE	1,895.0	178,130.00	0.00%	94.0	15.67	4.97	449,585	536,735	415,802

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,816.58	0.81%	95.0	205.02	4.60	121,772	150,682	344,826
VIC	HOSE	894.2	59,466.99	0.55%	66.5	8.06	3.85	294,615	471,202	531,288
DPM	HOSE	379.9	12,385.86	0.26%	32.6	6.42	1.39	1,200,599	1,281,504	1,402,654
VCB	HOSE	2,317.4	66,973.35	0.20%	28.9	14.99	1.50	616,355	695,571	878,789
STB	HOSE	1,142.5	22,850.23	0.14%	20.0	9.81	1.30	1,048,431	805,116	1,008,904
BVH	HOSE	680.5	28,715.89	0.10%	42.2	23.14	2.28	530,849	537,925	529,788

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,220	6.2	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,476	7.0	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,677	20.2	0.7	3.0%	1.9%
Sản xuất giấy	755	7.8	0.8	11.1%	5.7%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	35,949	21.1	2.0	18.0%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,642	4.2	0.7	18.2%	3.8%
Khai khoáng	11,998	54.5	5.0	1.8%	1.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	19,283	17.7	1.3	11.8%	8.5%
Xây dựng	28,636	- 30.0	1.1	-7.3%	1.2%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,086	7.1	1.1	16.7%	8.7%
Công nghiệp phức hợp	360	3.4	0.7	21.8%	15.7%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,607	9.8	1.0	7.8%	3.8%
Thiết bị điện	1,597	- 15.4	0.6	-1.1%	-1.5%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	42	26.3	0.6	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,822	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	7,239	- 2.4	0.9	3.2%	0.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,708	13.4	1.3	14.7%	11.2%
Dịch vụ vận tải	5,327	7.9	1.4	18.3%	11.0%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,949	10.7	1.3	12.4%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	222	14.8	0.6	6.1%	2.1%
Nhà cung cấp thiết bị	177	8.2	0.8	10.1%	4.3%
Chất thải & Môi trường	164	2.5	0.8	35.2%	16.8%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,251	22.1	2.0	13.9%	8.1%
Lốp xe	6,874	8.3	2.3	29.0%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,379	6.9	1.1	15.7%	8.9%
Vang & Rượu mạnh	275	10.9	2.0	20.7%	13.0%
Đồ uống & giải khát	269	7.7	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	14,344	11.5	1.2	13.9%	6.2%
Thực phẩm	195,104	22.6	4.7	21.7%	16.8%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,093	8.0	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	138	8.3	1.3	13.5%	9.4%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,804	7.8	1.3	17.8%	7.1%
Giày dép	9	- 1.3	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,979	9.1	1.8	16.8%	9.1%
Thuốc lá					
Thuốc lá	702	- 8.4	1.1	0.4%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	852	15.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế	133	3.2	1.7	31.7%	13.0%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	172	8.2	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm	15,187	12.1	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	758	14.8	1.3	13.3%	8.8%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,078	8.4	1.3	14.7%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,006	8.0	0.9	12.1%	8.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	156	6.8	2.9	52.7%	27.1%
Khách sạn	5,795	36.3	2.6	6.0%	3.2%
Dịch vụ giải trí	2,215	27.8	1.4	15.2%	12.8%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,121	20.9	1.9	15.4%	13.7%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	51	11.9	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	508	20.1	0.6	3.1%	1.2%
Internet	296	62.4	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm	15,995	9.8	2.0	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	422	15.2	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng	272	5.3	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,101	14.3	0.7	5.1%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	21,874	-	5.5	1.2	-6.4%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	182,236	15.3	4.9	32.9%	22.1%
Nước	1,210	6.6	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,168	5.2	0.8	15.2%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,293	11.9	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm	2,843	8.0	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	28,512	23.1	2.3	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán	23,358	13.0	1.3	8.1%	6.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	240,466	10.8	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	136,992	11.2	2.5	28.6%	7.2%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	5	8.9	0.5	5.5%	2.5%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,036	9.4	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.